

Số: 1355/TM-KSBT

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 7 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Hiệu chuẩn trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị/ nhà cung cấp quan tâm có đủ năng lực.

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-KSBT ngày 17/7/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục, số lượng và tiêu chí kỹ thuật gói thầu: “Hiệu chuẩn trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn” năm 2026.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên kính mời các đơn vị tham gia chào giá gói thầu “Hiệu chuẩn trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn” năm 2026. Bảng báo giá theo các tiêu chí cụ thể như sau:

1. Danh mục báo giá:

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

2. Hiệu lực báo giá: 01 bản báo giá chi tiết theo phụ lục, có ngày, tháng, năm phát hành, chữ ký và đóng dấu đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá.

Báo giá có hiệu lực đến 31/12/2026.

3. Giá dịch vụ: Giá đã bao gồm các loại thuế, phí và các chi phí phát sinh khác có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

4. Hạn nộp báo giá: Trước 16h30p, ngày 24 tháng 7 năm 2026 theo các hình thức sau:

- Bản scan gửi qua email: tochucytdp@gmail.com
- Hoặc Bộ phận văn thư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Số 971, Đường Dương Tự Minh, Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083.858356 – Fax: 02083.858356

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, XN (Hanh).

GIÁM ĐỐC



Hoàng Anh



Phụ lục
DANH MỤC THIẾT BỊ HIỆU CHUẨN

TT	Tên thiết bị	Tên TSCĐ/CCDC	Mã TSCĐ/ CCDC	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung công việc
I	Thiết bị tại cơ sở 1 - số 971 Dương Tự Minh, phường Phan Đình Phùng tỉnh Thái Nguyên: 27						
1	Hệ thống hấp thụ nguyên tử	Hệ thống hấp thụ nguyên tử AA-7000	T55016037-60301-1575	2018	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn chế độ lò điện (Grafite), ngọn lửa, bộ hoá hơi
2	Máy đo PH	Máy đo PH,mv (ORP) để bàn HORIBALQUA - Model:PH1100+ Điện cực đo pH Model: 9615S-10D	T55016037-60301-1568	2019	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 03 điểm pH chuẩn
3	Máy đo độ đục	Máy đo độ đục ; Sri 101415 SX: Aqualytic	T55016037-60301-1419	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại các giá trị NTU(FTU) chuẩn (từ 0,01-1100 NTU (FTU))
4	Máy so màu cầm tay, đo Clo dư và tổng	Máy so màu cầm tay, đo Clo dư và tổng (Chlorine, Free, Total Meter - DR30), LPV445-97-00110, Hach	T55016037-60301-1871	2022	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác của thiết bị; + Phạm vi đo trong khoảng 1: 0,02-2,00 mg/L + Phạm vi đo trong khoảng 2: 0,1-8,00 mg/L
5	Máy quang phổ kế UV-VIS	Máy quang phổ kế UVVIS Hitachi U-2900; seri 23E51-004	T55016037-60301-1481	2014	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác bước sóng, độ hấp thụ. + Thang bước sóng: 190 – 1100nm + Thang Hấp thụ: -3,000 – 3,000Abs
6	Cân phân tích 4 số	Cân phân tích 4 số Precisa ES 220A (Seri: 4603705)	T55016037-60301-1824	2021	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại các mức tải (từ 0,0100 – 220,0000g)
7	Máy phá mẫu vi	Máy phá mẫu vi sóng	T55016037-60301-	2017	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại

TT	Tên thiết bị	Tên TSCĐ/CCDC	Mã TSCĐ/ CCDC	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung công việc
	sóng		1600				các điểm nhiệt (120 ⁰ C, 150 ⁰ C, 180 ⁰ C)
8	Tủ sấy	TỦ sấy nhỏ 250 độ C-40 lít; Sri C100985 SX: MMM	T55016037-60301-1645	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại 105 ⁰ C, 150 ⁰ C
9	Tủ ẩm	Tủ ẩm 25 độ C - seri V217.0313	T55016037-60301-1605	2017	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 1 điểm nhiệt 25 ⁰ C
10	Tủ ẩm	Tủ ẩm 37-42 độ C -SANYO MIR-262 ;Sri:10020040	T55016037-60301-1653	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 1 điểm nhiệt 37 ⁰ C
11	Tủ ẩm	Tủ ẩm 40 độ C - seri V217.0314	T55016037-60301-1604	2017	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 1 điểm nhiệt 30 ⁰ C
12	Tủ ẩm	Tủ ẩm CO2 MCO-19 AIC ; Sri 10020072	T55016037-60301-1662	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 1 điểm nhiệt 37 ⁰ C
13	Tủ ẩm	Tủ ẩm Panasonic; Model MIR-262-PE; Seri 12050022 (Nguồn Jca- 2013)-	T55016037-60301-1828	2021	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 2 điểm nhiệt 42 ⁰ C và 44 ⁰ C
14	Nồi hấp tiệt trùng	Nồi hấp TOMY Model SS-325- Seri 31103186	T55016037-60301-1986	2022	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 2 điểm nhiệt 121 ⁰ C và 115 ⁰ C
15	Nồi hấp tiệt trùng	Hệ thống PCR: Nồi hấp VL - 32LDP - ; seri 803816; Nguồn ADB	T55016037-60301-1510	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại điểm nhiệt 121 ⁰ C
16	Tủ sấy	Tủ sấy memmert - seri 771.309	T55016037-60301-1989	2022	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại điểm nhiệt 160 ⁰ C

TT	Tên thiết bị	Tên TSCĐ/CCDC	Mã TSCĐ/ CCDC	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung công việc
17	Tủ sấy	TỦ sấy lớn 250độ C-120 lít Daihan Labtech LDO-150F Sri B100629020	T55016037-60301-1478	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại điểm nhiệt 160°C
18	Cân phân tích	Hệ thống PCR: Cân kỹ thuật EP612 - Nguồn ADB	T55016037-60301-1507	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại các mức tải (từ 0,1 - 600g)
19	Tủ ATSH cấp II	Tủ ATSH cấp II BioAir S@femate 1.2 vision, Sri: K03L56N3776 - Nguồn ADB	T55016037-60301-1530	2010	Cái	1	-Kiểm tra/thử nghiệm tốc độ, lưu lượng dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm hiệu suất bộ lọc -Kiểm tra/thử nghiệm hình thái dòng khí
20	Tủ ATSH cấp II	Tủ ATSH cấp II BioAir S@femate 1.2 vision BS, Sri: K03L56N3775-Nguồn ADB	T55016037-60301-1532	2010	Cái	1	-Kiểm tra/thử nghiệm tiếng ồn -Kiểm tra/thử nghiệm độ rọi ánh sáng xuống bề mặt làm việc -Kiểm tra/thử nghiệm cường độ ánh sáng tím
21	Nồi đun cách thủy	Nồi đun cách thủy WNB14 -L409-1667	T55016037-60301-1462	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 70°C
22	Tủ lạnh	Tủ lạnh Panasonic MPR-311DH-PE; seri 12090567	T55016037-2990	2024	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 5°C
23	Tủ lạnh	Tủ lạnh SANYO MPR-311D(H); Seri 09120727	T55016037-2991	2024	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 5°C
24	Pipet	Pipet 8 kênh Dragonlab 5-50µl; seri: CU0066780	T55016037-60301-1599	2011	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn 1 kênh (5-50µl)

TT	Tên thiết bị	Tên TSCĐ/CCDC	Mã TSCĐ/ CCDC	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung công việc
25	Pipet	Pipet Dragonlab 8 kênh 50-300µl, seri: CU0093035	T55016037-60301-1612	2011	Cái	1	Kiểm tra, hiệu chuẩn 1 kênh (50-300µl)
26	Tủ lạnh âm sâu	Tủ lạnh âm sâu Angelatoni KRYOLAB 300V; Seri 52067	T55016037-60301-1598	2009	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại điểm nhiệt - 25°C
27	Tủ lạnh đựng sinh phẩm	Tủ lạnh đựng sinh phẩm Sanyo MDR - 311D(H); Sri: 08121177	T55016037-60301-1607	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại điểm nhiệt 5°C
II	Thiết bị tại cơ sở 2 - số 96 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đức Xuân tỉnh Thái Nguyên: 44 thiết bị						
1	Nồi hấp	Nồi hấp tiệt trùng loại tự động	T55016037-60339-3898	2015	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại điểm nhiệt 135°C
2	Tủ an toàn sinh học	Tủ lạnh toàn sinh học	T55016037-60339-3957	2012	Cái	1	-Kiểm tra/thử nghiệm tốc độ, lưu lượng dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm hiệu suất bộ lọc -Kiểm tra/thử nghiệm hình thái dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm tiếng ồn -Kiểm tra/thử nghiệm độ rọi ánh sáng xuống bề mặt làm việc -Kiểm tra/thử nghiệm cường độ ánh sáng tím
3	Tủ lạnh âm sâu	Tủ âm sâu	T55016037-4767	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại - 30°C
4	Tủ lạnh đựng sinh phẩm	Tủ lạnh đựng sinh phẩm	T55016037-60339-3954	2012	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 5°C
5	Pi pét đơn kênh Genex (10-100)	Pi pét đơn kênh Genex (10-100)	T55016037-4735	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn (10-100µl)

TT	Tên thiết bị	Tên TSCĐ/CCDC	Mã TSCĐ/ CCDC	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung công việc
6	Pi pét đơn kênh Biohit (100-1000)	Pi pét đơn kênh Biohit 2: 10-100;2: 100-1000	T55016037-4736	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn (100-1000 μ l)
7	Quang phổ tử ngoại khả kiến	Quang phổ tử ngoại khả kiến U-2900	T55016037-60339-3909	2011	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác bước sóng, độ hấp thu. + Thang bước sóng: 190 - 1100nm + Thang Hấp thu: -3,000 - 3,000Abs
8	Máy đo PH	Máy đo PH để bàn Model-Lab850	T55016037-60339-3851	2016	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 03 điểm pH chuẩn
9	Máy đo PH	Máy đo pH	T55016037-60339-3849	2013	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 03 điểm pH chuẩn
10	Máy đo PH	Máy đo pH để bàn	T55016037-60339-3850	2016	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 03 điểm pH chuẩn
11	Tủ sấy khô	Tủ sấy khô Json-050	T55016037-60339-3961	2011	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại 105 $^{\circ}$ C, 150 $^{\circ}$ C
12	Tủ sấy khô	Tủ sấy khô	T55016037-60339-3960	2012	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại 105 $^{\circ}$ C, 150 $^{\circ}$ C
13	Cân phân tích	Cân phân tích 20tr	T55016037-60339-3787	2002	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại các mức tải từ 0,1 - 210 g
14	Cân phân tích	Cân phân tích 20tr	T55016037-60339-3788	2002	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại các mức tải từ 0,1 - 60 g
15	Cân phân tích	Cân phân tích Model PA214C	T55016037-60339-3790	2018	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại các mức tải từ 0,1 - 210 g
16	Lò nung	Lò nung 1200-0C L3/12	T55016037-60339-3833	2016	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt 500 $^{\circ}$ C, 900 $^{\circ}$ C
17	Máy đo độ đục	Máy đo độ đục – Hana-93703-11	T55016037-60339-3846	2008	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại giá trị FTU (NTU) chuẩn (từ 0,01-1000 FTU (NTU))

TT	Tên thiết bị	Tên TSCĐ/CCDC	Mã TSCĐ/ CCDC	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung công việc
18	Máy phá mẫu bằng vi sóng	Máy phá mẫu bằng vi sóng	T55016037-60339-3875	2019	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác của cảm biến nhiệt độ T1 và T2
19	Nồi cách thủy	Nồi cách thủy WNB22	T55016037-60339-3895	2016	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác trong dải nhiệt độ từ 50 ⁰ C - 95 ⁰ C
20	Hệ thống Sắc ký lỏng hiệu năng cao	Hệ thống Sắc ký lỏng hiệu năng cao Chromaster	T55016037-60339-3814	2016	Cái	1	- Kiểm tra/ hiệu chuẩn nhiệt độ buồng cột - Kiểm tra/ hiệu chuẩn tốc độ dòng pha động - Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ tuyến tính và lặp lại Tại 1 detector
21	Ấm kế	Ấm kế	T55016037-4652	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại các dải nhiệt độ từ 10-60 ⁰ C; Độ ẩm từ 40 - 90%
22	Ấm kế	Ấm kế	T55016037-4652	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại các dải nhiệt độ từ 10-60 ⁰ C; Độ ẩm từ 40 - 90%
23	Ấm kế	Ấm kế	T55016037-4652	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại các dải nhiệt độ từ 10-60 ⁰ C; Độ ẩm từ 40 - 90%
24	Hệ thống hấp thụ nguyên tử	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) Zeenit 700P	T55016037-60339-3882	2016	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn chế độ lò điện (Graphit), bộ Hoá hơi
25	Nồi hấp	Nồi hấp ướt CL-32L	T55016037-60339-3901	2011	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại điểm nhiệt 135 ⁰ C
26	Nồi hấp	Nồi hấp điện 14-19L	T55016037-60339-3897	2010	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại điểm nhiệt 121 ⁰ C
27	Nồi hấp	Nồi hấp tiệt trùng - TOMY-ES315	T55016037-4633	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại điểm nhiệt 121 ⁰ C
28	Pipet đơn kênh	Pipet đơn kênh	T55016037-4639	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn (dải 100 - 1000 μ l)

TT	Tên thiết bị	Tên TSCĐ/CCDC	Mã TSCĐ/ CCDC	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung công việc
29	Máy đo PH	Máy đo độ pH HANA	T55016037-4636	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 03 điểm pH chuẩn
30	Tủ sấy khô	Tủ sấy dụng cụ 53 L	T55016037-60339-3959	2008	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại 160°C
31	Tủ sấy khô và tủ tiệt trùng	Tủ sấy khô và tủ tiệt trùng - Memmert - SNB400	T55016037-60339-3964	2008	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại 160°C và 180°C
32	Cân phân tích	Cân kỹ thuật- Kern - 400-45	T55016037-4581	2025	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn độ chính xác tại các mức tải từ 1-1000g
33	Tủ ẩm	Tủ ẩm thường - Memmert - INB400	T55016037-60339-3926	2008	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 1 điểm nhiệt 30°C
34	Tủ ẩm	Tủ ẩm thường	T55016037-60339-3925	2005	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 1 điểm nhiệt 37°C
35	Tủ ẩm	Tủ ẩm thường - Memmert - INB400	T55016037-60339-3927	2008	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 1 điểm nhiệt 44°C
36	Tủ ẩm	Tủ ẩm Model VS 1203P3V	T55016037-60339-3924	2016	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 1 điểm nhiệt 25°C
37	Tủ ẩm	Tủ ẩm thường Mode VS-1203P3V	T55016037-60339-3928	2016	Cái	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại 1 điểm nhiệt 37°C
38	Bộ lọc chân không kèm theo giá	Bộ lọc chân không kèm theo giá	T55016037-60339-3776	2011	Cái	1	Hiệu chuẩn 03 cốc đong mẫu, thể tích 250ml
39	Tủ an toàn sinh học	Tủ an toàn sinh học	T55016037-60339-3929	2004	Cái	1	-Kiểm tra/thử nghiệm tốc độ, lưu lượng dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm hiệu suất bộ lọc -Kiểm tra/thử nghiệm hình thái dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm tiếng ồn -Kiểm tra/thử nghiệm độ rò rỉ ánh

TT	Tên thiết bị	Tên TSCĐ/CCDC	Mã TSCĐ/ CCDC	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung công việc
							sáng xuống bề mặt làm việc -Kiểm tra/thử nghiệm cường độ ánh sáng tím
40	Tủ an toàn sinh học cấp II	Tủ an toàn sinh học cấp II	T55016037-60339-3931	2013	Cái	1	-Kiểm tra/thử nghiệm tốc độ, lưu lượng dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm hiệu suất bộ lọc -Kiểm tra/thử nghiệm hình thái dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm tiếng ồn -Kiểm tra/thử nghiệm độ rọi ánh sáng xuống bề mặt làm việc -Kiểm tra/thử nghiệm cường độ ánh sáng tím
41	Tủ an toàn sinh học cấp II	Tủ an toàn sinh học AC2-2E8	T55016037-60339-3930	2016	Cái	1	-Kiểm tra/thử nghiệm tốc độ, lưu lượng dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm hiệu suất bộ lọc -Kiểm tra/thử nghiệm hình thái dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm tiếng ồn -Kiểm tra/thử nghiệm độ rọi ánh sáng xuống bề mặt làm việc -Kiểm tra/thử nghiệm cường độ ánh sáng tím
42	Tủ lạnh âm sâu	Tủ lạnh âm - Sanyo - MDF 136	T55016037-60339-3944	2008	Chiếc	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại: - 20°C
43	Tủ lạnh âm sâu	Tủ lạnh âm sâu Sanyo MDF-136	T55016037-60339-3951	2008	Chiếc	1	Kiểm tra/ hiệu chuẩn tại: - 20°C

TT	Tên thiết bị	Tên TSCĐ/CCDC	Mã TSCĐ/ CCDC	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung công việc
44	Tủ an toàn sinh học	Tủ an toàn sinh học cấp 2	T55016037-4658	2025	Cái	1	-Kiểm tra/thử nghiệm tốc độ, lưu lượng dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm hiệu suất bộ lọc -Kiểm tra/thử nghiệm hình thái dòng khí -Kiểm tra/thử nghiệm tiếng ồn -Kiểm tra/thử nghiệm độ rọi ánh sáng xuống bề mặt làm việc -Kiểm tra/thử nghiệm cường độ ánh sáng tím